

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: **04/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 11/01/2022

Về việc: “*Không công nhận quan
hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Bà Lưu Thị Hà**

2/ Ông Chu Bá Hữu

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

-Đại diệnViện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thanh Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 629/2020/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **95/2021/QĐXX-ST** ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Dương Thị Hương H, sinh năm 1967**

HKTT: Tổ 27, phường NL, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **Anh Đinh Quang M, sinh năm 1964**

HKTT: 86 HBT, phường AB, quận LC, thành phố Hải Phòng.

Chị H và anh M đều trú tại: Số 2, đường NT, tổ 4, phường NT, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. (*Đều có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị Hương H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Quang M có quen biết nhau từ khi ở nước ngoài (Hong Kông). Sau khi về nước, anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến năm 2018 mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Đến năm 2018, do bất đồng quan điểm nên giữa hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly thân, chị và anh M không chung sống với nhau nữa, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Đinh Quang M là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh M có 01 con chung là Đinh Gia B, sinh ngày 28/6/2006 (theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 114/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07/04/2017 của Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng). Hiện con vẫn đang sống cùng mẹ nên chị yêu cầu tiếp tục được chăm sóc nuôi dưỡng cháu B, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án - Bị đơn Anh Đinh Quang M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời trình bày của chị H về quá trình hai người tìm hiểu, chung sống và khăng định cho đến nay anh chị vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị ly thân, không tiếp tục chung sống, không có quan hệ vợ chồng với nhau nữa. Do mâu thuẫn đã kéo dài, không có khả năng đoàn tụ nên anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H, đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đinh Gia B, sinh ngày 28/6/2006 (theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 114/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07/04/2017 của Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng). Anh đồng ý để chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Gia B. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Trước khi phiên tòa diễn ra, chị Dương Thị Hương H và anh Đinh Quang M đều có đơn xin xét xử vắng mặt do tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp, anh chị vẫn giữ nguyên yêu cầu và lời khai, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt vì tình hình dịch bệnh Covid phức tạp, việc xin xét xử vắng mặt của đương sự là chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là hợp pháp.

3. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Hương H, không công nhận chị Dương Thị Hương H và anh Đinh Quang M là vợ chồng.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị giao con chung là cháu Đinh Gia B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà đất chung và các khoản nợ chung: Anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Dương Thị Hương H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Hương H thuộc những tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm khởi kiện, chị H và anh M đều tạm trú tại Tổ 4, phường NT, quận Long Biên, nên Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Chị Dương Thị Hương H và anh Đinh Quang M đều có đơn xin xét xử vắng mặt do tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp gửi đến Tòa án, việc xin xét xử vắng mặt của đương sự có lý do chính đáng vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Dương Thị Hương H và anh Đinh Quang M tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 2004. Mặc dù có đầy đủ điều kiện kết hôn nhưng từ đó đến nay, chị H và anh M

vẫn không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay, do anh chị mâu thuẫn nên chị Dương Thị Hương H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị Dương Thị Hương H và anh Đinh Quang M là vợ chồng. Xét thấy, yêu cầu của chị H là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị Hương H và anh Đinh Quang M theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Xác nhận anh chị có 01 con chung là Đinh Gia B, sinh ngày 28/6/2006. Khi được hỏi ý kiến cháu Gia B có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyện vọng của con phù hợp với thỏa thuận của bố mẹ nên cần ghi nhận thỏa thuận giao con chung cho chị Dương Thị Hương H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung.

2.3. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Anh chị đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về án phí: Chị Dương Thị Hương H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

2.5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí lệ phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của nguyên đơn là chị Dương Thị Hương H với bị đơn là anh Đinh Quang M. Chị Dương Thị Hương H và anh Đinh Quang M không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Xác nhận chị H và anh M có 01 con chung là Đinh Gia B, sinh ngày 28/6/2006. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Dương Thị Hương H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0016520 ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, nay chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Loan

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 ngày 12 tháng 7 năm 2019.

Tại: Trụ sở TAND quận Long Biên, Hà Nội.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Tạ Đức M

2/ Ông Nguyễn Đình Đạt

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 280/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30 /2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18 /2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Thu, sinh năm 1965.

HKTT: Tổ 1 Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, TP Hà Nội

Nơi cư trú: P 313 D18 Khu đô thị Đặng Xá, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Chí Trung, sinh năm 1966.

HKTT: Tổ 1 Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, TP Hà Nội

Nơi cư trú: Số 11 ngõ 93 đường Nguyễn Văn Linh, tổ 2 Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, TP Hà Nội. (Vắng mặt) .

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

-Về tố tụng: Ông Nguyễn Chí Trung được triệu tập hợp lệ 02 lần đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Chí Trung.

Kết quả biểu quyết: 3/3

-Về điều luật áp dụng:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết:

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về phần quyết định:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị Kim Thu. Bà Nguyễn Thị Kim Thu được ly hôn ông Nguyễn Chí Trung

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thu H, sinh ngày 14/10/2008 cho bà Nguyễn Thị Kim Thu trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục.

Bà Nguyễn Thị Kim Thu và ông Nguyễn Chí Trung không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Ông Nguyễn Chí Trung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim Thu và ông Nguyễn Chí Trung không yêu cầu nên không xét.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim Thu phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận bà Nguyễn Thị Kim Thu đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0001590 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên. Bà Nguyễn Thị Kim Thu đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Kim Thu được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Chí Trung được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 7 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**